

BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 2/2025



MỤC LỤC

A. VĂN BẢN MỚI CỦA NHÀ NƯỚC CÓ HIỆU LỰC

1. Nghị định 15/2025/NĐ-CP do Chính Phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt
2. Thông tư 15/2024/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng
3. Thông tư 01/2025/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội



MỤC LỤC

B. CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP

1. Công văn 399/TCT-QLN của Tổng cục Thuế về việc tính tiền chậm nộp tiền thuế
2. Công văn 428/TCT-KK của Tổng cục Thuế về việc xác định kỳ hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu
3. Công văn 416/TCT-CS của Tổng cục Thuế về thuế giá trị gia tăng
4. Công văn 415/TCT-CS của Tổng cục Thuế về chính sách thuế giá trị gia tăng
5. Công văn 439/CTBGI-TTHT của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp
6. Công văn 361/CCT-TTBTBK của Cục Thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân cho chi nhánh hạch toán phụ thuộc
7. Công văn 206/CTHNA-TTHT của Cục Thuế tỉnh Hà Nam về việc cung cấp thông tin quyết toán thuế năm 2024
8. Công văn 489/TCHQ-TXNK của Tổng cục Hải quan về việc thực hiện Nghị định 13/2025/NĐ-CP ngày 21/01/2025 của Chính phủ
9. Công văn 311/TCT-DNNCN của Tổng cục Thuế về việc triển khai Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký, kê khai, nộp thuế từ thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số
10. Công văn 95/CTĐLA-TTHT của Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk về việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế



A. VĂN BẢN MỚI CỦA NHÀ NƯỚC CÓ HIỆU LỰC



Ngày 03/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 15/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các nguyên tắc sau đây:

- Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thống kê, kế toán kịp thời, đầy đủ về hiện vật, giá trị; được tính hao mòn, khấu hao tài sản và bảo trì công trình theo quy định của pháp luật.
- Việc xử lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này được thực hiện đối với toàn bộ hoặc một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt, quy hoạch phát triển đường sắt, không vi phạm nguyên tắc điều hành thống nhất, tập trung, đảm bảo hoạt động giao thông vận tải thông suốt, trật tự, an toàn, chính xác, hiệu quả. Trường hợp xử lý, khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.
- Khi thực hiện giao quản lý, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định Nghị định 15/2025, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia phải có ý kiến của Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định tại hồ sơ đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản.

- Trường hợp thực hiện khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định 15/2025 mà làm ảnh hưởng đến các tài sản kết cấu hạ tầng khác có liên quan thì phải có ý kiến của đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đó và phải có giải pháp, xác định rõ trách nhiệm để khắc phục.

- Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo quy định; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

- Việc quản lý, sử dụng đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan. Không thực hiện việc chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng đường sắt.

Trường hợp thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc thu hồi đất gắn với tài sản, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc xử lý đất, tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai; không thực hiện theo quy định tại Nghị định 15/2025.

Việc sử dụng quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngày 30/12/2024, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư 15/2024/TT-BXD quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng.

1. Phân loại đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ quan có thẩm quyền thành lập như sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập theo thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ.
- Đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập theo thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập.
- Đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập theo thẩm quyền bởi các chủ thể khác theo quy định của pháp luật.

2. Phân loại đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính như sau:

- Phân loại theo mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập:

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên;

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên;

Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

- Việc xác định mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trong ngành, lĩnh vực xây dựng tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 19/02/2025.

Ngày 10/01/2025, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư 01/2025/TT-BLĐTBXH quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội. Dưới đây là một số nội dung đáng chú ý:

1. Đối tượng điều chỉnh tiền lương đã đóng BHXH theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Nghị định 115/2015/NĐ-CP bao gồm:

Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định bắt đầu tham gia BHXH từ ngày 01/01/2016 trở đi, hưởng lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội một lần hoặc bị chết mà thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần trong thời gian từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

Người lao động đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định, hưởng lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội một lần hoặc bị chết mà thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần trong thời gian từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

2. Đối tượng điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 134/2015/NĐ-CP là người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện hưởng lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội một lần hoặc bị chết mà thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần trong thời gian từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

3. Mức điều chỉnh tiền lương tháng đã đóng bảo hiểm xã hội như sau:

Trước 1995: Mức điều chỉnh là 5,63 (Mức cũ là 5,43)...

Năm 2005: Mức điều chỉnh là 3,17 (Mức cũ là 3,06)...

Năm 2016: Mức điều chỉnh là 1,28 (Mức cũ là 1,23)...

Năm 2025: Mức điều chỉnh là 1,00.

4. Mức điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội như sau:

Năm 2008: Mức điều chỉnh là 2,21 (Mức cũ là 2,14)...

Năm 2017: Mức điều chỉnh là 1,23 (Mức cũ là 1,19)...

Năm 2025: Mức điều chỉnh là 1,00.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/02/2025; các quy định tại Thông tư này áp dụng kể từ ngày 01/01/2025.

B. CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP



1. Ngày 23/1/2025 Tổng cục Thuế ban hành Công văn 399/TCT-QLN về việc tính tiền chậm nộp tiền thuế, theo đó :

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm tính tiền chậm nộp, điều chỉnh tiền chậm nộp đối với toàn bộ số thuế phải nộp của người nộp thuế (bao gồm cả số thuế phải nộp tại địa bàn nhận phân bổ). Trường hợp người nộp thuế nộp khoản tiền chậm nộp nhằm cơ quan thu dẫn đến còn số nộp thừa và số nợ tiền chậm nộp tại các địa bàn khác nhau thì người nộp thuế gửi hồ sơ đề nghị hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 42 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.



2. Ngày 24/1/2025 Tổng cục Thuế ban hành Công văn 428/TCT-KK về việc xác định kỳ hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, theo đó :

Trường hợp Công ty là cơ sở kinh doanh vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu vừa có hàng hóa, dịch vụ bán trong nước thì Công ty phải hạch toán riêng số thuế GTGT đầu vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được xác định theo tỷ lệ doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ của các kỳ khai thuế giá trị gia tăng tính từ kỳ khai thuế tiếp theo kỳ hoàn thuế liền trước đến kỳ đề nghị hoàn thuế hiện tại.

3. Ngày 23/1/2025 Tổng cục Thuế ban hành Công văn 416/TCT-CS về thuế giá trị gia tăng, theo đó :

Trường hợp công ty chuyển nhượng một phần dự án để tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đầu tư xây dựng nhà ở là kinh doanh bất động sản, không phải chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp thực hiện kê khai, tính thuế suất thuế GTGT 10%.





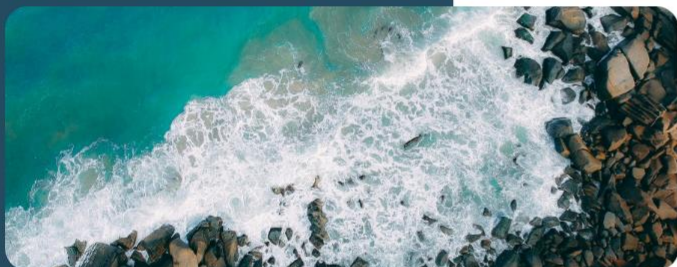
4. Ngày 23/1/2025 Tổng cục Thuế ban hành Công văn 415/TCT-CS về chính sách thuế giá trị gia tăng, theo đó :

Trường hợp Công ty tạm nhập khẩu lại một phần lô hàng đã xuất để sửa chữa (mã loại hình tờ khai hải quan nhập khẩu G13), sau đó đã tái xuất khẩu trả lại cho khách hàng nước ngoài là người mua ban đầu (mã loại hình tờ khai hải quan xuất khẩu G23) thì chưa phải thực hiện điều chỉnh doanh thu của kỳ đã xuất khẩu ban đầu. Trường hợp Công ty đã được hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu nhưng bị người bán trả lại một phần hàng hóa đã xuất khẩu thì Công ty phải thực hiện khai bổ sung theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế và Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; đồng thời nộp số tiền đã được hoàn tương ứng với hàng xuất khẩu đã nhập khẩu lại và nộp tiền chậm nộp tương ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

5. Ngày 24/1/2025 Cục Thuế tỉnh Bắc Giang ban hành Công văn 439/CTBGI-TTHT về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đó :

Trong quá trình hoạt động Công ty đã thay đổi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến lần thứ ba và Công ty dự kiến tiếp tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi về vốn chủ sở hữu, thay đổi mục tiêu của dự án, nhưng không thay đổi tổng vốn đầu tư thì ưu đãi về thuế TNDN được xác định theo nguyên tắc như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư chỉ áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng điều kiện ưu đãi đầu tư ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư lần đầu của doanh nghiệp. Đối với trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh nếu có sự thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư như bổ sung ngành nghề kinh doanh, bổ sung sản phẩm mới, tăng sản lượng sản phẩm đã đăng ký và không bổ sung tăng vốn đầu tư, nếu sự thay đổi đó không làm thay đổi việc đáp ứng các điều kiện ưu đãi thuế của dự án đó theo quy định thì doanh nghiệp tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế cho thời gian còn lại hoặc ưu đãi theo diện đầu tư mở rộng nếu đáp ứng điều kiện ưu đãi theo quy định.
- Đối với các khoản thu nhập không thỏa mãn điều kiện được hưởng ưu đãi thuế TNDN thì doanh nghiệp phải tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi, mức miễn thuế, giảm thuế) và thu nhập từ hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế để kê khai nộp thuế riêng theo khoản 2 Điều 18 Thông tư 78/2014/TT-BTC.
- Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai. Công ty tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ (-) vào thu nhập tính thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế theo Điều 22 Thông tư 78/2014/TT-BTC.



6. Ngày 15/1/2025 Cục Thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Công văn 361/CCT-TTBTBTK về việc nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân cho chi nhánh hạch toán phụ thuộc, theo đó :

Chi nhánh Công ty là đơn vị phụ thuộc thực hiện hạch toán tập trung tại trụ sở chính thì nộp hồ sơ khai thuế GTGT, TNDN, TNCN tại cơ quan thuế quản lý trụ sở chính. Đồng thời, Công ty (trụ sở chính) phải nộp Bảng phân bổ số thuế phải nộp (nếu có) theo từng địa bàn cấp tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) cho cơ quan thuế quản lý trụ sở chính.

7. Ngày 24/1/2025 Cục Thuế tỉnh Hà Nam ban hành Công văn 206/CTHNA-TTHT về việc cung cấp thông tin quyết toán thuế năm 2024, theo đó :

Một số lưu ý khi thực hiện kê khai QTT TNDN kỳ tính thuế năm 2024:

- Về kê khai thuế TNDN, DN tự xác định, kê khai đầy đủ, chính xác thông tin tại Tờ khai QTT TNDN (Mẫu số 03/TNDN) và các phụ lục kèm theo tờ khai QTT TNDN, trong đó lưu ý đến một số chỉ tiêu trên tờ khai Mẫu số 03/TNDN như sau:

Chỉ tiêu [G1], [G3]: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này;

Chỉ tiêu [G2], [G4], [G5]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2024;

Các chỉ tiêu [E], [G]: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng.

- Về kê khai thông tin giao dịch liên kết, DN phải xác định, kê khai thông tin giao dịch liên kết, cụ thể DN lưu ý xác định chính xác đối tượng phải kê khai, thực hiện kiểm soát và kê khai đầy đủ thông tin giao dịch liên kết, xác định đúng chi phí lãi vay được trừ (mức không chế 30%) khi tính thuế TNDN theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP để hạn chế sai sót.

+ Trường hợp NNT có giao dịch liên kết thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP có trách nhiệm kê khai thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III Nghị định 132/2020/NĐ-CP và nộp cùng Tờ khai quyết toán thuế TNDN (quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định 132/2020/NĐ-CP)

+ Trường hợp NNT có nghĩa vụ liên quan đến Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia thực hiện lập báo cáo lợi nhuận liên quốc gia tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP và nộp cho cơ quan thuế theo khoản 5 Điều 18 Nghị định 132/2020/NĐ-CP

+ Các trường hợp NNT được miễn kê khai, miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết được quy định tại Điều 19 Nghị định 132/2020/NĐ-CP..

8. Ngày 24/1/2025 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn 489/TCHQ-TXNK về việc thực hiện Nghị định 13/2025/NĐ-CP ngày 21/01/2025 của Chính phủ, theo đó :

Tổng cục Hải quan yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố phổ biến, hướng dẫn cán bộ, công chức hải quan và các doanh nghiệp làm thủ tục hải quan tại đơn vị tra cứu Nghị định số 13/2025/NĐ-CP ngày 21/01/2025 để thực hiện khai báo theo đúng quy định và lưu ý một số nội dung như sau:

1. Đối với hàng hóa nhập khẩu từ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt Giơ-xy và Đảo Man) vào Việt Nam

- Hàng hóa nhập khẩu từ các nước trên nếu đáp ứng các điều kiện áp dụng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CPTPP theo quy định tại Khoản 7 Điều 5 Nghị định số 115/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 và Khoản 3, Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 13/2025/NĐ-CP ngày 21/01/2025 thì người khai hải quan thực hiện kê khai mã Biểu thuế B21 trên tờ khai nhập khẩu.

- Đối với các mặt hàng nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan thuộc nhóm 04.07, 17.01, 24.01, 25.01:

+ Hàng hóa nhập khẩu từ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt Giơ-xy và Đảo Man) thuộc nhóm 04.07, 17.01, 25.01 trong lượng hạn ngạch thuế quan hàng năm theo quy định của Bộ Công Thương (ký hiệu TRQ1) và hàng hóa thuộc nhóm 24.01 nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan thực hiện Hiệp định CPTPP theo quy định của Bộ Công Thương (ký hiệu là TRQ2), đáp ứng các điều kiện để được hưởng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CPTPP theo quy định tại Khoản 7 Điều 5 Nghị định số 115/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 và Khoản 3, Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 13/2025/NĐ-CP, thì người khai hải quan thực hiện kê khai mã Biểu thuế B21 và áp dụng thuế suất trong hạn ngạch quy định tại Phụ lục II theo khoản 4 Điều 5 Nghị định số 115/2022/NĐ-CP.

+ Hàng hóa nhập khẩu từ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt Giơ-xy và Đảo Man) thuộc nhóm 04.07, 17.01, 24.01 và 25.01 ngoài lượng hạn ngạch thuế quan TRQ1 hoặc TRQ2 quy định tại Nghị định số 115/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 thì áp dụng các mức thuế suất nhập khẩu theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi, bổ sung.

- Đối với mặt hàng ô tô đã qua sử dụng thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04 nhập khẩu trong lượng hạn ngạch thuế quan thực hiện Hiệp định CPTPP từ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt Giơ-xy và Đảo Man), đáp ứng các điều kiện để được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CPTPP thì người khai hải quan thực hiện kê khai mã Biểu thuế B22 và áp dụng thuế suất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 115/2022/NĐ-CP.

Đối với mặt hàng ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu ngoài lượng hạn ngạch thuế quan thực hiện Hiệp định CPTPP hoặc trong hạn ngạch thuế quan nhưng không đủ điều kiện để hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CPTPP thì áp dụng thuế suất nhập khẩu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi, bổ sung.

2. Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam vào Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt Giơ-xy và Đảo Man)

Hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam được nhập khẩu vào lãnh thổ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt Giơ-xy và Đảo Man), người khai hải quan thực hiện kê khai mã số và áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu quy định tại Phụ lục I - Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi, bổ sung.

3. Về xử lý tiền thuế nộp thừa

Việc xử lý tiền thuế nộp thừa đối với các tờ khai hải quan của hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam vào Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt Giơ-xy và Đảo Man) hoặc nhập khẩu vào Việt Nam từ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt Giơ-xy và Đảo Man) thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 13/2025/NĐ-CP.

9. Ngày 20/1/2025 Tổng cục Thuế ban hành Công văn 311/TCT-DNNCN về việc triển khai Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký, kê khai, nộp thuế từ thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, theo đó :

Ngày 19/12/2024, Tổng cục Thuế đã đưa vào vận hành “Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký, kê khai, nộp thuế từ thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số” (gọi tắt là Cổng TMĐT HKD) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hộ, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

10. Ngày 10/1/2025 Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn 95/CTĐLA-TTHT về việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế, theo đó :

1. Trường hợp đã nghiệm thu công trình và đã xuất hóa đơn trong tháng 6/2024 đồng thời đã khai thuế trong quý 2/2024, đến tháng 10/2024 có quyết định phê duyệt giảm giá trị hạng mục công trình thì thực hiện điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, thực hiện khai bổ sung hồ sơ khai thuế theo khoản 1 Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP như sau:

- Trường hợp khai bổ sung làm giảm số thuế GTGT phải nộp thì thực hiện khai bổ sung hồ sơ khai thuế của quý 2/2024;
- Trường hợp làm tăng, giảm số thuế còn được khấu trừ thì thực hiện khai thuế vào tháng, quý phát hiện sai sót (quý 4/2024).

Nguyên tắc khai bổ sung hồ sơ khai thuế GTGT nêu trên áp dụng cho cả trường hợp khác năm tài chính.



2. Trường hợp lập hóa đơn điều chỉnh dẫn đến tăng (giảm) thuế TNDN của năm trước thì người nộp thuế phải khai bổ sung hồ sơ quyết toán thuế TNDN của các năm trước theo khoản 4 Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

3. Trường hợp cơ quan thuế đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau thanh tra, kiểm tra mà phát sinh điều chỉnh quyết toán công trình thì công ty thực hiện khai bổ sung hồ sơ khai thuế theo khoản 3 Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (từ ngày 31/12/2024 trở về trước), từ ngày 01/01/2025 thực hiện theo khoản 6 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

Người nộp thuế thực hiện khai bổ sung hồ sơ khai thuế theo đúng quy định do điều chỉnh giảm giá trị hạng mục công trình theo quyết định được phê duyệt không có hành vi vi phạm hành chính thì không bị xử phạt hành vi vi phạm về thuế.

Các thông tin trên Bản tin của Công ty Kiểm toán CPA VIETNAM được chúng tôi cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo. Bản tin này nhằm chuyển tới Quý vị các thông tin khái quát không bao gồm toàn bộ các nội dung cụ thể có liên quan và không được sử dụng như các thông tin tư vấn cụ thể. Các tổ chức/cá nhân nếu muốn áp dụng các quy định khái quát trong tài liệu này vào trường hợp cụ thể nào đó đều cần phải có sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia tư vấn của chúng tôi. Do vậy Công ty Kiểm toán CPA VIETNAM sẽ không chịu bất cứ thiệt hại do kết quả của việc người đọc chỉ dựa vào các thông tin khái quát trong tài liệu này.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng
VG Building, 235 Nguyễn
Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà
Nội, Việt Nam

Tel : 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Anh
Safomec, 7/1 Thành Thái,
P.14, Q.10, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Tel : 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97 Trần Quốc Toản,
phường Trần Hưng Đạo,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà
Nội, Việt Nam

Tel : 024 7306 1268

Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 3, tòa B Cao ốc Văn
phòng VG Building. Số 235
Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội, Việt Nam

Tel : 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

